

VAI TRÒ CỦA GIÀ LÀNG, TRƯỞNG BẢN VỚI VẤN ĐỀ TRUYỀN THÔNG DÂN SỐ Ở VÙNG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

TRẦN HỮU SƠN

Trong công cuộc vận động dân số-kế hoạch hoá gia đình, truyền thông là vấn đề rất quan trọng. Truyền thông càng quan trọng hơn khi đối tượng cuộc vận động dân số -kế hoạch hoá gia đình là đồng bào các dân tộc ít người. Vấn đề này thực hiện thành công hay không, phụ thuộc vào các loại hình "kênh truyền thông". Mỗi vùng khác nhau có kênh truyền thông không giống nhau. Ở vùng đồng bào các dân tộc ít người, kênh truyền thông trực tiếp của già làng, trưởng bản trở thành loại hình truyền thông có hiệu quả hàng đầu.

1. Trong xã hội tiền nông nghiệp và nông nghiệp (nương rẫy hay ruộng nước), mọi sự ứng xử với thiên nhiên và xã hội đều dựa vào kho tàng kinh nghiệm của cộng đồng. Do đó các già làng-những người tích lũy được nhiều kinh nghiệm trở thành những người có uy tín nhất trong cộng đồng. Vai trò của già làng, trưởng làng, bản rất quan trọng trong mọi công việc đối nội, đối ngoại của làng, bản. Tuy nhiên ở mỗi vùng vai trò của họ trong cộng đồng có những bậc thang khác nhau.

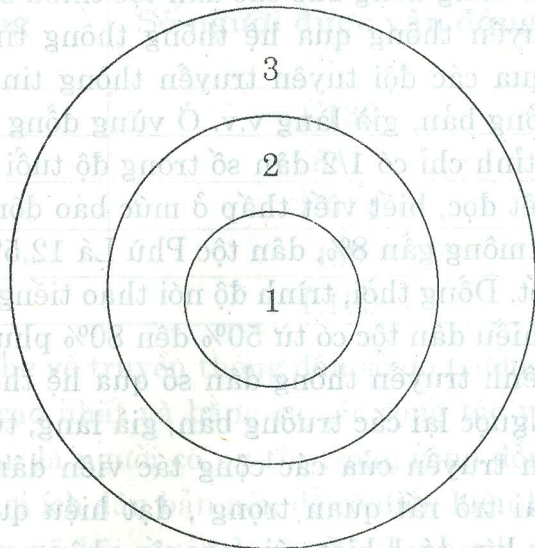
Ở vùng Tây Nguyên, hoặc những vùng cư dân nông nghiệp nương rẫy, vai trò của người già hết sức quan trọng. Làng của người Ba-na, có một bộ máy tổ chức điều hành mọi công việc là hội đồng già làng, đứng đầu là một vị chủ làng (hoặc là gốc làng). Hội đồng già làng, chủ làng điều hành mọi công việc sản xuất, chiến đấu, tôn giáo dựa trên sự nhất trí của toàn thể dân làng, ông trưởng làng do dân bầu ra (hoặc cha truyền con nối) nhưng ông ta chỉ là người đại diện cho dân làng, khi có những việc quan trọng đều phải xin ý kiến của họ, già làng không đồng ý, chủ làng không được phép thực hiện. Mọi sự kiện trong làng (dù vui hay buồn) đều có sự can dự của già làng. Già làng là cố vấn cao nhất về phong tục tập quán, về kinh nghiệm sản xuất, về đời nhân xử thế cho mỗi thành viên và cho cả cộng đồng. Già làng ủng hộ mọi việc tuyên truyền vận động của cán bộ đều diễn ra trôi chảy. Uy tín của già làng lớn hơn uy tín của cán bộ(1)

Ở vùng người Hmông, trưởng bản có vai trò quan trọng. Họ thường là trưởng dòng họ lớn trong bản. Hiện nay trưởng bản đang có xu hướng trẻ hoá. Họ là những người có gia đình giỏi làm ăn, có trình độ hiểu biết nhất định. Họ có nhiệm vụ điều hành công việc của làng "giao" (Tuy nhiên xã hội người Hmông

cũng là một xã hội trọng lão, các già làng bao gồm các bậc cha chú các dòng họ trong "giao") luôn được trọng bản tôn trọng hỏi ý kiến. Cái lý của người Hmông là người ít tuổi phải luôn lắng nghe ý kiến của người nhiều tuổi. Người Hmông có tục ngữ: "gừng già, gừng càng cay- người già hiểu điều hay". Do đó ý kiến của già làng đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực sản xuất, nhất là xử lý những vấn đề có liên quan đến phong tục, quan hệ giữa các dòng họ, vấn đề di dịch cư v.v... ý kiến của già làng, trưởng "giao" luôn có tính định hướng, quyết định đến công việc hệ trọng của làng bản, tác động đến mọi gia đình trong cộng đồng làng.

Ở vùng người Thái, Mường tinh thần trọng lão cũng luôn được đề cao. Trong thiết chế xã hội cổ truyền bên cạnh "Chầu mường" hay các ông lang còn có hệ thống "cố vấn" giúp việc như hệ thống các bô lão toàn mường" của người Thái, hoặc các "Ậu" của người Mường. Họ là những người giúp việc của bản, mường. Ngày nay, các hội đồng bô lão này không còn nhưng truyền thống trọng lão vẫn còn tồn tại, trưởng bản khi quyết định những công việc lớn đều phải hỏi ý kiến các già làng.

Tóm lại, xã hội cổ truyền của các làng bản vùng đồng bào dân tộc ít người có sơ đồ 3 đường tròn đồng tâm: 1-trưởng bản, 2-các già làng, 3-là những người dân trong làng, bản (chủ hộ các gia đình).



Bộ máy thiết chế này vận hành theo một truyền thống dân chủ: trưởng bản lãnh đạo nhưng tôn trọng ý kiến của các già làng, và các chủ hộ gia đình cũng có vai trò nhất định. Truyền thống này tạo thành tâm lý trọng lão, tôn trọng người

đứng đầu làng, bản. Người đứng đầu làng bản hay già làng đều có uy tín, tiếng nói quan trọng đến mọi vấn đề của bản, làng.

2. Ngày nay, vai trò của làng, bản được đề cao, tuy không phải là một cấp trong hệ thống chính quyền nhưng lại là một thiết chế gần dân nhất. Mọi công việc của dân, mọi chính sách, chế độ chủ trương từ các cấp chính quyền đến được với dân hay không đều thông qua bản, làng. Vai trò của trưởng bản ngày càng trở nên quan trọng. Và tất nhiên, kế thừa truyền thống trọng lão, người già trong bản vẫn có tiếng nói quan trọng đến việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vai trò đó của già làng, trưởng bản còn thể hiện cụ thể cả trên lĩnh vực truyền thông dân số- một lĩnh vực mới nhưng đang trở thành nhiệm vụ cấp bách ở làng, bản trong tình hình hiện nay.

Dân số - kế hoạch hoá gia đình là một nhiệm vụ mới đối với xã hội nông nghiệp. Do đó, cái mới muốn thâm nhập vào xã hội tộc người, yêu cầu đầu tiên phải được xã hội đó nhận thức đúng. Nâng cao trình độ nhận thức về tầm quan trọng của dân số- kế hoạch hoá gia đình là bước đầu tiên có ý nghĩa quyết định với việc thực hiện kế hoạch hoá dân số, giảm tỷ lệ tăng dân số. Nhưng muốn làm chuyển biến về mặt nhận thức trong dân bản phải tiến hành công tác truyền thông một cách có hiệu quả, khoa học, phù hợp với đặc điểm nhận thức của các dân tộc.

Hiện nay ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có nhiều kênh truyền thông dân số như truyền thông qua hệ thống thông tin đại chúng (báo, đài, ti vi), truyền thông qua các đội tuyên truyền thông tin lưu động, truyền thông qua "kênh" của trưởng bản, già làng v.v. Ở vùng đồng bào các dân tộc tỷ lệ mù chữ còn cao, nhiều tỉnh chỉ có 1/2 dân số trong độ tuổi đi học biết chữ, các dân tộc ở rẻo cao tỷ lệ biết đọc, biết viết thấp ở mức báo động như dân tộc Hà Nhì chỉ có 5,6%, dân tộc Hmông gần 8%, dân tộc Phù Lá 12,5% v.v, số dân từ 5 tuổi trở lên biết đọc biết viết. Đồng thời, trình độ nói thạo tiếng phổ thông ở các dân tộc cũng còn rất thấp, nhiều dân tộc có từ 50% đến 80% phụ nữ không nói được tiếng phổ thông. Do đó kênh truyền thông dân số qua hệ thống thông tin đại chúng hiệu quả rất thấp. Ngược lại các trưởng bản, già làng, tuyên truyền của đội thông tin lưu động, tuyên truyền của các cộng tác viên dân số kế hoạch hoá gia đình... thường đóng vai trò rất quan trọng, đạt hiệu quả cao. Làng bản ở miền núi mang tính khép kín, tách biệt với cuộc sống bên ngoài, hầu hết các thông tin đến với các thành viên là những thông tin mang tính trực tiếp. Hiệu quả của thông tin và độ tin cậy của thông tin lại phụ thuộc vào vai trò, vị trí của người truyền thông. Uy tín của người truyền thông trực tiếp càng cao thì hiệu quả công tác truyền thông càng lớn. Trong cuộc khảo sát xã hội học của Viện Mác-Lênin với

1.342 phiếu phỏng vấn được tiến hành ở Lào Cai, Sơn La, Yên Bái, đã khẳng định vai trò rất quan trọng của trưởng bản, già làng trong truyền thông dân số. Trả lời câu hỏi: "Theo ông bà, cách thức tuyên truyền nào có hiệu quả nhất" thì có tới 81,82% số người được hỏi ý kiến đều cho rằng tuyên truyền của trưởng thôn, trưởng bản đóng vai trò hiệu quả nhất (xem biểu 1)

Biểu 1: Tính hiệu quả của các kênh truyền thông dân số kế hoạch hoá gia đình (tổng số 1.342 người trả lời)

Các kênh truyền thông	Số người nhận thông tin	Tỷ lệ %
Báo chí	617	45,98
Đội tuyên truyền lưu động	789	58,79
Phổ biến của cán bộ, Đảng viên	842	62,74
Phổ biến của trưởng thôn bản	1.098	81,82
Các kênh truyền thông khác	222	16,54

Đặc biệt khi được phỏng vấn: "những ai tuyên truyền về công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình", thì có tới 84,87% số người trả lời do trưởng thôn, trưởng bản (xem biểu 2)

Biểu 2: Hiệu quả các cán bộ vận động KHHDS

Người thực hiện vận động DS-KHHGD	Số người được vận động	Tỷ lệ %
Trưởng thôn, trưởng bản	1.139	84,87
Cán bộ, Đảng viên	861	64,16
Hội phụ nữ	1.014	75,56
Hội cựu chiến binh	450	33,53
Cán bộ y tế- KHHDS	1.139	84,87

Như vậy số người được nghe về truyền thông dân số do trưởng thôn, trưởng bản tuyên truyền chiếm tỷ lệ cao nhất và bằng cả các cộng tác viên dân số-kế hoạch hoá gia đình. Trưởng bản là người có uy tín trong cộng đồng, mang tính chất chính thống, phù hợp với lợi ích dân bản nên dễ có điều kiện hình thành dư luận xã hội tốt. Nhưng dư luận xã hội muốn hình thành nhanh chóng, có hiệu quả tốt đòi hỏi phải được sự ủng hộ của các già làng. Già làng ủng hộ, dư luận thực hiện DS-KHHGD sẽ có vai trò rất quan trọng đôi khi mang tính quyết định đối với việc thực hiện các biện pháp giảm tỷ lệ tăng dân số. Dư luận của làng bản được tạo dựng sẽ chỉ ra các chuẩn mực, chấp hành các biện pháp thực hiện

KHHGD, dư luận tạo ra áp lực ngăn ngừa, răn đe tệ nạn tảo hôn, đẻ nhiều con... Điển hình là huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai rất coi trọng kênh truyền thông của trưởng bản, già làng cùng kết hợp với cán bộ dân số nên tỷ lệ tăng dân số giảm xuống khá nhanh, đạt hiệu quả đáng kể. Bắc Hà có 68.194 người, trong đó gần 65% là người Hmông. Năm 1987, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Bắc Hà là 53,84%, mức sinh của phụ nữ Hmông từ 7,9 con đến 8,3 con, nhưng từ năm 1993 đến nay, công tác truyền thông được coi trọng, đặc biệt là nhờ đẩy mạnh truyền thông trực tiếp qua kênh của trưởng bản, già làng kết hợp với hội phụ nữ, hội nông dân nên tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Bắc Hà giảm nhanh chóng. Năm 1993 có 944 người thực hiện các dụng cụ kế hoạch hoá gia đình, tỷ lệ sinh là 37,35%. Đến năm 1998 số người tự nguyện thực hiện kế hoạch hoá gia đình tăng lên 2.835 người (gấp hơn 3 lần năm 1993), tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống chỉ còn 29,6%, tỷ lệ xuất sinh thô từ 3,19 con đến 4,3 con/phụ nữ, thậm chí có 12 xã có đông người Hmông cư trú, trung bình mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 3,22 đến 3,82 con.

Như vậy, truyền thông dân số trực tiếp qua kênh của trưởng bản, già làng, những người có uy tín trong cộng đồng có tác dụng tạo dựng dư luận nhanh chóng. Dư luận của cộng đồng làng bản vừa có chức năng điều hoà hành vi (như đã trình bày phần trên), vừa có chức năng giáo dục. Khi trình độ dân trí ở các làng bản vùng miền núi còn thấp thì dư luận của cộng đồng sẽ đóng vai trò của người hướng dẫn các ứng xử của mỗi thành viên. Nó tác động mạnh mẽ đến các cặp vợ chồng người thân trong gia đình, mọi người trong làng bản đều quan tâm đến dư luận phê phán nạn tảo hôn, đẻ nhiều con, khen ngợi gia đình ít con giỏi làm kinh tế... Từ đó, họ tự nhận thức, tự sửa chữa những thiếu sót của bản thân, thực hiện đúng những qui định về kế hoạch hoá gia đình. Dư luận của làng, bản thông qua hai kênh quan trọng là trưởng bản (đại diện chính quyền), già làng (đại diện nguyện vọng chung của dân) sẽ trở thành công cụ quản lý con người cụ thể. Nó ràng buộc mọi thành viên vào cơ chế vận hành của làng, bản. Mỗi cá nhân không chỉ chịu sự giám sát, tác động của gia đình mà còn chịu sự kiểm tra, đánh giá của cả cộng đồng làng, bản thông qua dư luận.

Với miền núi, một trong những kênh truyền thông dân số hiệu quả nhất là kênh truyền thông trực tiếp của già làng, cần xây dựng kênh truyền thông quan trọng này, xây dựng họ trở thành cộng tác viên của Ban dân số-kế hoạch hoá gia đình là yêu cầu cấp thiết.